

Số: 15.04/2014/BC-HĐQT

Hà Nội, Ngày 15 tháng 04 năm 2014

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102119727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 13/12/2011.
- Vốn điều lệ: 268.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 268.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân-P.Nhật Tân- Q.Tây Hồ- Hà Nội
- Điện thoại: 04.3719.8888                      Fax: 04.3719.2222
- Website: [www.ktb.com.vn](http://www.ktb.com.vn)                      Email: [contact@ktb.com.vn](mailto:contact@ktb.com.vn)
- Mã cổ phiếu:    KTB

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

##### 2.1. Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Tây Bắc tiền thân là Công ty Cổ Phần Molybden Việt Nam- Thành viên của Tập Đoàn Vinamotor Việt Nam(được xếp hạng vào top “500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Báo Điện Tử Vietnamnet bình chọn và công bố) Được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 2006 và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc vào ngày 08 tháng 07 năm 2010.

Từ một Doanh Nghiệp Cổ Phần với vốn điều lệ ban đầu là: 10.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần 2 lên 50.000.000.000 đồng bằng hình thức góp thêm vốn giữa các cổ đông sáng lập và hoàn tất việc tăng vốn lần 2 khi kết thúc năm tài chính 31/12/2010, sau đó chính thức chuyển tên thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn điều lệ lên 268.000.000.000 đồng vào ngày 08/07/2010.

Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng lên UBCK nhà nước và chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2785/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 06/09/2010.

## **2.2. Ngành nghề chính và địa bàn kinh doanh**

### **2.2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- ✓ Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim(trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
- ✓ Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng
- ✓ Khai thác đá,cát sỏi, đất sét
- ✓ Bán buôn sắt thép
- ✓ Bán buôn quặng kim loại
- ✓ Bán buôn kim loại khác
- ✓ Bán buôn gạch xây,ngói, đá,cát,sỏi
- ✓ Bán buôn xi măng
- ✓ Bán buôn vật liệu,thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại(trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- ✓ Đại lý

### **2.2.2. Địa bàn hoạt động**

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc như Bắc Cạn, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Lai châu Điện Biên,....các lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

- ✓ Vàng
- ✓ Quặng Molybden
- ✓ Tinh quặng sắt
- ✓ Quặng đồng vàng

✓ Quặng antimon

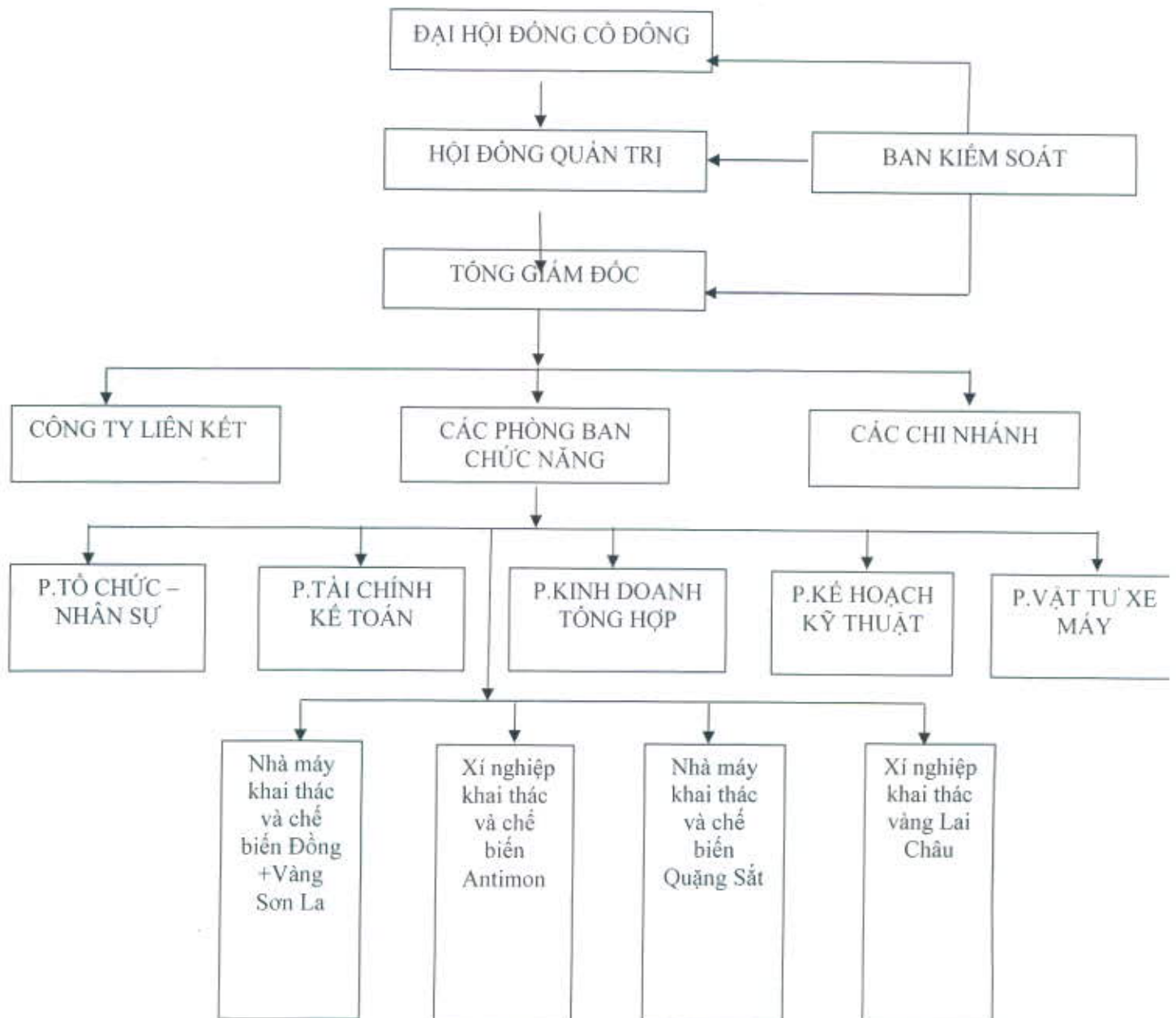
Thị trường tiêu thụ: Cung cấp nguyên liệu cho các Công ty sản xuất trong nước, và xuất khẩu một phần sang các nước như Nhật Bản, Trung Quốc....

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Mô hình quản trị.

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

##### Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty



#### 3.3. Các công ty con, công ty liên kết

3.3.1. Công ty nắm giữ cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc: Không có

### 3.3.2. Tình hình đầu tư vào Công ty có liên quan:

Công ty cổ phần An Hồng Phương

Địa chỉ: Tổ 9 Phường Phùng Chí Kiên, TX.Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng, xây lắp hệ thống cấp thoát nước; Khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, vàng, bạc); Khai thác, chế biến các loại đá, cát, sỏi.

Vốn điều lệ thực góp: 50.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ vốn góp: 10,42%

## 4. Định hướng phát triển

### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

#### 4.1.1. Tuân thủ pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước

#### 4.1.2. Đầu tư phù hợp

Mặc dù mới chính thức hoạt động từ 12/2006 nhưng sản phẩm của công ty đã được nhiều Công ty trong nước cũng như nước ngoài biết đến. Hiện nay, nhà nước đã có nhiều thay đổi về chính sách trong việc khai thác và chế biến khoáng sản để đảm bảo cho việc khai thác tài nguyên khoáng sản được sử dụng hợp lý và có hiệu quả.

Để khai thác và sử dụng hợp lý và có hiệu quả các tài nguyên khoáng sản, Công ty đã không ngừng đầu tư vào trang thiết bị, dây chuyền công nghệ khai thác được nhập khẩu chủ yếu từ nước ngoài như: Đức, Ý, Trung Quốc... Hiện nay, công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất của từng vùng cũng như đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.....

#### 4.1.3. Chính sách chất lượng

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau: lọc quặng nguyên khai

Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng

tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm

Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

#### **4.1.4. Phát triển nguồn nhân lực**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác

Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

#### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

Nghiên cứu thị trường tiêu thụ sản phẩm, vạch ra chiến lược Marketing, tạo lợi thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.

Tích cực tìm kiếm, thăm dò và xin cấp phép thêm các mỏ mới nhằm đáp ứng cho các dự án đầu tư mang tính dài hơi, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty

Liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

### **5. Các rủi ro**

#### **5.1. Rủi ro về biến động kinh tế**

##### **5.1.1. Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan**

Hoạt động kinh doanh khai thác khoáng sản chịu sự tác động trực tiếp từ các biến động kinh tế cũng như các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim, v/v... chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **5.1.2. Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát**

Phần lớn những máy móc quan trọng phục vụ cho các nhà máy, phân xưởng của Công ty đều được nhập từ nước ngoài và được Công ty thanh toán bằng ngoại tệ (chủ yếu là đồng USD và đồng Nhân dân tệ), nên bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ giá cũng sẽ gây ra những biến động trong chi phí đầu tư và gây khó khăn cho Công ty trong công tác lập kế hoạch kinh doanh. Tuy nhiên, với nhiều công cụ chính sách ổn định vĩ mô được Chính phủ áp dụng trong thời gian vừa qua đã giúp ổn định được tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ giao động xung quanh mức 21.000/1 đô la. Trong thời gian sắp tới tỷ giá đồng Việt Nam được dự báo ổn định và mức độ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh là không lớn.

### **5.1.3. Biến động giá chứng khoán**

Việc niêm yết cổ phiếu công ty trên thị trường chứng khoán sẽ đem lại những lợi ích đáng kể như nâng cao uy tín và thương hiệu; tăng cường tính thanh khoản; tạo điều kiện cho việc huy động vốn; hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị, điều hành theo mô hình hiện đại. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi.

Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội chung hay từng thời điểm, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,... Sự biến động giá cổ phiếu trong từng thời điểm có thể gây ảnh hưởng đến một số khía cạnh của Công ty, tâm lý khách hàng, và tâm lý nhà đầu tư.

Tuy nhiên, riêng đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc, số lượng cổ phần là không lớn và cơ cấu cổ đông được đánh giá khá tốt. Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới liên tục tăng trưởng cao, có hiệu quả kinh doanh khả quan là yếu tố hỗ trợ giá giao dịch cổ phiếu. Bên cạnh đó, công ty cũng nhận thức được tầm quan trọng của công tác quan hệ cổ đông nên sẽ tăng cường công tác công bố thông tin theo hướng quản trị minh bạch và chuyên nghiệp để góp phần bình ổn giá thị trường của cổ phiếu niêm yết.

## **5.2. Rủi ro đặc thù ngành**

### **5.2.1. Rủi ro ngành**

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản... có ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài

ra những biến động của thời tiết như mưa, bão lụt, hạn hán cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

### **5.2.2. Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ**

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **5.3. Rủi ro từ phía Công ty**

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

### **5.4. Rủi ro về Pháp luật**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật Bảo vệ môi trường. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện tuy nhiên, chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn nhiều chông chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, công ty trong ngành khai khoáng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

## 6. Rủi ro khác

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, dịch hoạ ... .Những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra dù trực tiếp hay gián tiếp sẽ gây ảnh hưởng đến các khách hàng truyền thống cũng như những thị trường tiềm năng, tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

##### 1.1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

So với năm trước: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm 28,1 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 36% chủ yếu do sản lượng hàng hóa bán trong năm sút giảm do thị trường trong năm hấp thụ kém, cùng với đó là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sút giảm 38,6 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm là 96%. Nhưng nguyên nhân chủ yếu của việc sút giảm lợi nhuận không phải từ hoạt động kinh doanh mà là do năm 2012 công ty có khoản thu lớn từ cổ tức nhận được của công ty liên kết.

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Tăng giảm	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.162.962.370	78.277.197.600	(28.114.235.230)	-36%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.162.962.370	78.277.197.600	(28.114.235.230)	-36%
Giá vốn hàng bán	44.138.305.348	75.226.519.200	(31.088.213.852)	-41%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.024.657.022	3.050.678.400	2.973.978.622	97%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.453.949	41.066.063.832	(41.064.609.883)	-100%
Chi phí tài chính	356.757.039	146.588.492	210.168.547	143%
Trong đó: chi phí lãi vay	356.757.039	146.588.492	210.168.547	143%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.141.345.757	3.730.166.436	(588.820.679)	-16%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.528.008.175	40.239.987.304	(37.711.979.129)	-94%



Thu nhập khác		1.000.000.000	(1.000.000.000)	-100%
Chi phí khác	195.276.548	787.991.654	(592.715.106)	-75%
Lợi nhuận khác	(195.276.548)	212.008.346	(407.284.894)	-192%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.332.731.627	40.451.995.650	(38.119.264.023)	-94%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	583.182.907	100.423.913	482.758.994	481%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.749.548.720	40.351.571.737	(38.602.023.017)	-96%

(Bảng so sánh số liệu năm nay với năm trước)

So với kế hoạch: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 42% và lợi nhuận sau thuế đạt 6% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông đề ra. Việc sụt giảm trên nguyên nhân chủ yếu do giá bán các sản phẩm quặng của Công ty trong năm giảm trong khi các chi phí đầu vào thì có xu hướng biến động tăng và các đối tác chiến lược giảm sản lượng thu mua.

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.162.962.370	120.000.000.000	42%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.749.548.720	30.000.000.000	6%

(Bảng so sánh số liệu năm nay với năm trước)

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm 05 thành viên không nắm giữ cổ phần hoặc các chứng khoán khác do Công ty phát hành. Ban điều hành Công ty không có thay đổi trong năm. Chi tiết:

STT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT	Chức vụ trong Công ty
1	Bà Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Mạnh	Ủy viên HĐQT	Phó Tổng GD
3	Ông Ngô Văn Hiến	Ủy viên HĐQT	Kế Toán Trưởng
4	Hứa Trung Sỹ	Ủy viên HĐQT	
5	Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên HĐQT	

**Tóm tắt lý lịch của các cổ đông trong ban điều hành:**

▪ **Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:**

Họ và Tên	: Nguyễn Thị Hiên
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 27/07/1967
CMND số	: 013326670 cấp ngày 26/06/2010 tại Hà Nội
Nơi sinh	: Bắc Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xuân tiến, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang
Địa chỉ thường trú	: P302, Nơ 4A, Bán đảo Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân

**Quá trình công tác:**

Từ 1985-1989: Nhân viên Bưu điện tỉnh Bắc Giang

Từ 2000-2003 : Học tại Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông

Từ 2004-12/2006: Nhân viên Bưu điện Bắc Giang

Từ 1/2007-9/2010: Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư-Công ty TNHH Hùng Dũng

Từ 10/2010-11/2011: Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần luyện kim Phú Thịnh

Từ 12/2011- đến nay : Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần

Đại diện sở hữu nhà nước: : 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với : không

lợi ích của Công ty

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Nguyễn Hồng Tiến
Ngày sinh:	08/05/1955
Nơi sinh:	Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tự Lạn-Việt Yên-Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	67/322-Lê Trọng Tấn-Q.Thanh Xuân-Hà Nội
Trình độ văn hóa:	10/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp
<b>Quá trình công tác:</b>	Từ 1972-05/2009: Bộ đội
	Từ 10/2009-05/2011: Thành viên ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần khoáng sản Na rì Hamico
	Từ 06/2011-nay: Ủy viên HĐQT-Công ty cổ phần ĐTKS Tây Bắc
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và Tên	: Ngô Văn Hiến
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/10/1983
CMND số	: 100747042 cấp ngày 19/05/2010 tại Hà Nội
Nơi sinh	: Nam Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Nghĩa Hưng-Nam Định

Địa chỉ thường trú : 55/97/16 Khương Trung-Thanh Xuân-Hà  
 Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**  
 Từ 01/2006-6/2007 : Nhân viên Công ty  
 TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế  
 IFC

Từ 06/2007-06/2010: Nhân viên Công ty  
 kiểm toán và tư vấn A&C

Từ 07/2010- đến nay: Kế toán trưởng Công  
 ty CP Đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Chức vụ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Đại diện sở hữu nhà nước : 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Người có liên quan nắm giữ cổ phần : không

Những khoản nợ với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: Hứa Trung Sỹ

Ngày sinh: 16/04/1971

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Hỷ-Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 16,P.Sông Cầu,TX. Bắc Kạn

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 04/1995-12/2006: Công ty Xăng Dầu Bắc Thái

Từ 01/2007-đến nay: Tổng Công ty cổ phần Khoáng Sản Na ri

Hamico	
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Vũ Mạnh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/12/1982
Nơi sinh:	Hòa Bình
CMND:	013261332
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	SN 5B/75 Phố Hồng Mai - P. Bạch Mai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	Từ năm 2007-2010 làm việc tại Tổng công ty cổ phần khoáng sản NARI HAMICO. Từ năm 2011 đến nay làm việc tại Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Tổng giám đốc.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức	Không có

niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### 3. Chính sách đối với người lao động

#### ▪ Số lượng người lao động

Tính đến ngày 31/12/2013, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác của Công ty trên 300 người, trong đó có 90 người ký hợp đồng lao động trên 1 năm.

#### ▪ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (4 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 04 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

#### ▪ Chính sách đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

**Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình

độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

**Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

#### ▪ **Chính sách lương, thưởng**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lương bình quân của công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 4.500.000đ/tháng. Lương bình quân của khối hành chính: 7.000.000 đ/tháng.

Ngoài các quyền lợi được quy định bởi luật lao động, cán bộ CNV còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

#### **4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- 4.1. Nhà máy đồng Sơn La đã hoàn thành giai đoạn lắp đặt và đang trong quá trình chạy thử dây chuyền máy, dự kiến bắt đầu ra sản phẩm vào quý 2/2014.
- 4.2. Mỏ sắt 409 Yên Bái đang chạy song song 2 dây chuyền tuyển, đây là nguồn thu chính của Công ty trong năm 2013. Trong năm 2014 Công ty tiếp tục mở rộng thêm diện tích khai thác nhằm tận dụng tối đa công suất của máy móc
- 4.3. Mỏ sắt Cận Còng Yên Bái đang hoàn thành các hạng mục xây dựng cơ bản. Dự kiến sẽ lắp đặt dây chuyền tuyển quặng vào quý 4/2014.

## 5. Công ty liên kết – Công ty cổ phần An Hồng Phương

### 5.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Tăng giảm	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	607.613.549.965	692.350.033.622	(84.736.483.657)	-12%
Doanh thu thuần	115.242.880.000	415.890.890.200	(300.648.010.200)	-72%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	875.728.983	109.610.330.659	(108.734.601.676)	-99%
Lợi nhuận khác	(2.142.981.479)	-	(2.142.981.479)	
Lợi nhuận sau thuế	-	82.207.747.994	(82.207.747.994)	-100%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	17%		

### 5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	<b>1,13</b>	<b>1,39</b>	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	<b>0,35</b>	<b>0,10</b>	
<b>TSLĐ - Hàng tồn kho</b>			
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	<b>0,54</b>	<b>0,16</b>	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	<b>0,68</b>	<b>0,23</b>	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	<b>12,41</b>	<b>67,07</b>	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	<b>0,19</b>	<b>0,60</b>	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	<b>0</b>	<b>0,20</b>	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	<b>0</b>	<b>0,17</b>	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	<b>0</b>	<b>0,12</b>	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	<b>0</b>	<b>0,26</b>	

## 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 6.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 26.800.000 cổ phần

Trong đó, số cổ phần chuyển nhượng tự do: 26.800.000 cổ phần

### 6.2. Cơ cấu cổ đông



### 6.2.1. Cổ đông nhà nước: Không có

### 6.2.2. Cổ đông trong nước

Chỉ tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ /VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>CỘNG</b>	<b>25.893.000</b>	<b>96,62%</b>	<b>1825</b>	<b>5</b>	<b>1820</b>
<b>Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết</b>	<b>25.560.480</b>	<b>95,38%</b>			
Công ty CP Chứng khoán Saigon Tourist	317.230			1	0
Công ty cp thương mại và công nghiệp Thùy Minh	1.000			1	0
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Tâm Nhìn	10			1	0
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vận tải Tân Hợp Thịnh	10.280			1	0
Công đoàn Công ty cổ phần thương mại và vận tải Sông Đà	4.000			1	0

### 6.2.3. Cổ đông nước ngoài

Chỉ tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ /VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết	907.000	3,38%	24	5	19

### 6.2.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có thay đổi.

### 6.2.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### 6.2.6. Các chứng khoán khác: Không có

## III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2013 nhận định “kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu lần này được đánh giá là trầm trọng nhất kể từ đại suy thoái kinh tế thế giới 1929 - 1933”. Những vùng tối kéo dài như: Nhu cầu tiêu dùng yếu, tăng trưởng tín dụng thấp, tỷ lệ nợ xấu cao khiến năm 2013 vẫn là năm hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh tồn tại đã được xem là thành công, KTB đã kết thúc năm 2013 với kết quả không được như kỳ vọng: Doanh thu năm 2013 là 50.162.962.370 đồng, đạt tỷ lệ 42% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 1,7 tỷ tương ứng 6% so với kế hoạch.

Mặc dù hoạt động sản xuất của Công ty vẫn ổn định, trang thiết bị máy móc được đầu tư mới và hiện đại, song do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài, nhiều Doanh nghiệp đã phải thu hẹp sản xuất thậm chí tạm dừng hoạt động, giá cả luôn biến động theo chiều hướng không có lợi cho các Doanh nghiệp, sản phẩm sản xuất ra gặp nhiều khó khăn trong quá trình tiêu thụ do đó Công ty đã không hoàn thành được kế hoạch đã đề ra.

## 2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản:			
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản		40,64	44,99
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	59,36	55,01
2	Cơ cấu nguồn vốn:			
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn		26,82	17,25
	Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	73,18	82,75
3	Khả năng thanh toán:			
	Khả năng thanh toán nhanh		1,77	2,84
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,21	3,19
4	Tỷ suất lợi nhuận:			
	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CP thường		0,65	15,06
	Tỷ suất lợi nhuận thuần		3,49	51,54
	Tỷ suất sinh lời trên tài sản		0,62	12,2
	Tỷ suất tăng trưởng lợi nhuận	%	0,65	15,06

### 2.1. Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài sản:

Năm 2013, Tổng tài sản của Công ty tăng 45,37 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 13,64% so với năm 2012. Nhìn chung cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn không có sự biến động nhiều.

### 2.2. Nhóm chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn

Nhóm chỉ tiêu nợ phải trả/tổng nguồn vốn năm 2013 là 26,82%, cao hơn năm 2012 nhưng vẫn bảo đảm sự lành mạnh về tài chính, đồng thời thể hiện khả năng cho phép công ty huy động nguồn vốn tín dụng để bổ sung

vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cho nhu cầu đầu tư phát triển tại công ty.

Chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2013 là 73,18% giảm so với năm 2012, nhưng vẫn cho thấy khả năng tài trợ vốn của Công ty hiện tại là tương đối ổn định – bảo đảm hoàn toàn nguồn vốn cho tài sản dài hạn và một phần lớn cho tài sản ngắn hạn.

### **2.3.Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán**

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh năm nay là 1,77 thấp hơn năm 2012, song vẫn đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty cho các nhà cung cấp, cũng như đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành năm nay là 2,21 thấp hơn so với năm 2012, một phần do các khoản chi phí sản xuất dở dang và chi phí đầu tư xây dựng nhà máy của Công ty.

### **2.4.Nhóm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận**

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận năm 2013 ở mức thấp so với năm 2012 một phần là do trong năm Công ty đang tập trung nguồn lực đầu tư dây chuyền nhà máy Đồng Sơn la, phần khác là do khoản lợi tức nhận được năm 2012 của Công ty. Dự kiến năm 2014 các chỉ tiêu trên sẽ có sự thay đổi tích cực khi Nhà máy Đồng đi vào hoạt động và cho ra sản phẩm.

### **2.5.Những thay đổi về vốn điều lệ và cổ tức**

- Năm 2010: Tỷ lệ chia cổ tức là 5%
- Năm 2011: Không chia cổ tức
- Năm 2012: Không chia cổ tức

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2013, Công ty tiếp tục cơ cấu tinh giản bộ máy hoạt động, tập trung vào những nhà máy, công trường sản xuất đem lại lợi nhuận và giảm bớt đầu tư vào các điểm mỏ chưa hiệu quả. Đồng thời thực hiện việc giao khoán theo kế hoạch, tạo sự linh hoạt, tự chủ cho các đơn vị sản xuất phát huy tối đa năng suất lao động, mang đến hiệu quả chung cho Công ty.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Năm 2014 tình hình trong nước nói chung vẫn còn khó khăn, tuy nhiên nền kinh tế đã xuất hiện những dấu hiệu phục hồi tích cực, tạo tiền đề cho các Doanh nghiệp mở mang lại hoạt động sản xuất.

Năm 2014 cũng sẽ là một năm bản lề với Công ty khi nhà máy luyện

kim đồng Sơn La sau nhiều năm dài đầu tư được đưa vào hoạt động. Doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng sẽ tăng cao, tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho Công ty. Tuy nhiên, hiện nay Công ty cũng đang triển khai thực hiện việc phát hành cổ phiếu ra công chúng và phát hành trái phiếu chuyển đổi để huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động các công trường sản xuất, việc phát hành thành công sẽ là yếu tố quyết định đem đến nguồn vốn đảm bảo cho các Nhà máy, xưởng tuyn của Công ty hoạt động với năng suất cao và hiệu quả lớn.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.

Trong năm qua, hoạt động thương mại của Công ty được cắt giảm phần lớn, do tình hình kinh tế khó khăn kéo dài, hoạt động này không đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Thay vào đó, hoạt động sản xuất tuy còn khó khăn nhưng vẫn được duy trì và đầu tư chiều sâu để tạo cơ hội phát triển khi nền kinh tế phục hồi.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hoạt động của Ban giám đốc trong năm qua chưa đạt được hiệu quả cao, chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, tuy nhiên với tình hình kinh tế khó khăn chung và định hướng đi sâu chế biến, sản xuất, giảm tỷ trọng thương mại của Công ty, việc Ban giám đốc hoàn thành và đưa vào vận hành Nhà máy đồng Sơn La là một sự nỗ lực rất lớn.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty xác định tiếp tục tập trung đi sâu vào lĩnh vực chính là khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản đồng và sắt là hai mặt hàng chủ lực của Công ty, tạo mọi nguồn lực phục vụ cho công trường sản xuất để đem lại hiệu quả cao nhất.

#### **V. Quản trị công ty**

##### **1. Hội đồng quản trị**

##### **1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

**Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/12/2013:**

TT	Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Hồng Tiên	Ủy viên
3	Hứa Trung Sỹ	Ủy viên
4	Ngô Văn Hiến	Ủy viên
5	Vũ Mạnh	Ủy viên

**1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Định kỳ hàng tháng, HĐQT đã tổ chức họp đánh giá các báo cáo của Ban TGD về các hoạt động quản lý và kinh doanh để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn cho hoạt động của Công ty;

Kịp thời nắm bắt và điều chỉnh các chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp với tình hình kinh tế trong nước;

Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty.

**1.3. Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2013**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	10.01A/2013/HĐQT-KTB	10/01/2013	Tiến hành khoan thăm dò các điểm quặng mới đồng thời lựa chọn đơn vị thi công lắp đặt trạm điện cho mỏ sắt cận công, chuẩn bị lắp đặt dây chuyền tuyển quặng.
2	01.05A/2013/NQ-HĐQT	01/05/2013	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
3	01.06A/2013/HĐQT-KTB	01/06/2013	Lên phương án huy động vốn cho Nhà máy luyện Đồng Sơn la bằng hình thức phát hành trái phiếu cho các cổ đông chiến lược.
4	0807A/2013/BB-ĐHCD	08/07/2013	Biên bản kỳ họp Đại Hội Đồng cổ đông thường niên năm 2013

5	0807B/2013/NQ-ĐHCĐ	08/07/2013	Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2013
6	26.10/2013/NQ-HĐQT	26/10/2013	Chi tiết phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu chuyển đổi
7	26.10A/2013/NQ-HĐQT	26/10/2013	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
8	26.10B/2013/NQ-HĐQT	26/10/2013	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ Trái phiếu chuyển đổi

#### 1.4.Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

##### ❖ Về ưu điểm

Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các nghị quyết và chỉ đạo Ban quản lý Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thể hiện qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính đều đạt được và vượt mức đề ra so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

##### ❖ Những tồn tại

Chưa tận dụng hết lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nâng cao hiệu quả khai thác sản phẩm. Chưa chủ động trong việc thăm dò, tìm kiếm mở rộng địa bàn khai thác các nguồn tài nguyên.

Ngoài ra các chính sách về kiểm soát ngành khoáng sản của nhà nước trong năm qua cũng làm cho việc cấp phép cũng như thăm dò các nguồn tài nguyên mới của Công ty gặp những khó khăn vướng mắc nhất định

##### ❖ Biện pháp khắc phục

Nghiên cứu và tìm hiểu sâu về luật khoáng sản, nhằm tận dụng tối đa các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

Xây dựng đồng bộ hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty. Tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy chế đã ban hành.

Có kế hoạch cụ thể để giải quyết triệt để, kịp thời và nghiêm túc các tồn tại nảy sinh, Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty; khai thác tốt sự hợp tác phối hợp của người lao động và cổ đông của Công ty.

Nắm bắt kịp thời, dự báo trước những thay đổi về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường để chủ động đánh giá, kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động;

Tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa Quy chế Tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

#### a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

TT	Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng ban kiểm soát
2	Âu Văn Long	Thành viên
3	Đỗ Thị Thanh Dung	Thành viên

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban TGD, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động SXKD, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc, phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty và các bộ phận phòng ban hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua;

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Tên	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Nguyễn Thị Hiền	240.000.000	-	-	240.000.000
2	Nguyễn Hồng Tiến	204.000.000	-	-	204.000.000

3	Hứa Trung Sỹ	180.000.000	-	-	180.000.000
4	Vũ Mạnh	204.000.000	-	-	204.000.000
5	Ngô Văn Hiến	180.000.000	-	-	180.000.000
6	Nguyễn Văn Hưng	180.000.000	-	-	180.000.000
7	Đỗ Thị Thanh Dung	120.000.000	-	-	120.000.000
8	Âu Văn Long	120.000.000	-	-	120.000.000

Theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong năm Công ty không tiến hành chi trả thù lao ngoài lương cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc và Ban kiểm soát do chưa đạt được kế hoạch đề ra.

### 3.2. Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2012	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2013	Thay đổi tỷ lệ sở hữu
	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>
1	Nguyễn thị Hiên	0	0	0
2	Nguyễn Hồng tiến	0	0	0
3	Hứa Trung Sỹ	0	0	0
4	Ngô Văn Hiến	0	0	0
5	Vũ Mạnh	0	0	0
	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>
1	Nguyễn Văn Hưng	0	0	0
2	Âu Văn Long	0	0	0
3	Đỗ Thị Thanh Dung	0	0	0
	<b>Cộng</b>			

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Số: 75/2014/AEA-TC-NV4

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày



31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

2.1. Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013)

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>224.413.126.033</b>	<b>183.002.365.245</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	3.421.258.734	1.873.037.282
111	Tiền		3.421.258.734	1.873.037.282
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	Phải thu ngắn hạn		176.309.850.337	161.144.272.353
131	Phải thu khách hàng	V.2	21.133.842.260	20.686.342.260
132	Trả trước cho người bán	V.3	40.467.747.526	25.227.154.943
135	Các khoản phải thu khác	V.4	114.708.260.551	115.230.775.150
139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		-	-
140	Hàng tồn kho	V.5	29.831.107.329	17.630.514.402
141	Hàng tồn kho		29.831.107.329	17.630.514.402
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		14.850.909.633	2.354.541.208
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.535.309.633	1.155.524.480
154	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	V.6	13.315.600.000	1.199.016.728
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>153.622.572.247</b>	<b>149.666.662.544</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	Tài sản cố định		103.066.547.247	99.418.337.544
221	Tài sản cố định hữu hình	V.7	42.251.944.710	13.445.578.950
222	Nguyên giá		50.860.284.044	18.231.301.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.608.339.334)	(4.785.722.147)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	60.814.602.537	85.972.758.594
240	Bất động sản đầu tư		-	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		50.200.000.000	50.000.000.000
251	Đầu tư vào công ty con		-	-
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.9	50.200.000.000	50.000.000.000

260	Tài sản dài hạn khác		356.025.000	248.325.000
268	Tài sản dài hạn khác		356.025.000	248.325.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>378.035.698.280</b>	<b>332.669.027.789</b>
<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>101.404.018.982</b>	<b>57.393.725.189</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>101.404.018.982</b>	<b>57.393.725.189</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	V.10	2.360.000.000	2.400.000.000
312	Phải trả người bán	V.11	51.618.290.826	28.888.994.034
313	Người mua trả tiền trước	V.12	21.494.000.000	438.931.192
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	8.581.589.086	9.461.726.721
315	Phải trả công nhân viên		1.691.195.119	515.478.573
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.14	13.431.119.552	13.440.077.006
320	Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn		-	-
323	Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.227.824.399	2.248.517.663
330	<b>Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>276.631.679.298</b>	<b>275.275.302.600</b>
410	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.15</b>	<b>276.631.679.298</b>	<b>275.275.302.600</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.15	268.000.000.000	268.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	V.15	6.580.858.842	6.622.245.370
418	Quỹ Dự phòng tài chính	V.15	-	351.785.494
420	Lợi nhuận chưa phân phối	V.15	2.050.820.456	301.271.736
430	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>378.035.698.280</b>	<b>332.669.027.789</b>

## 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	50.162.962.370	78.277.197.600
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.1	50.162.962.370	78.277.197.600
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	44.138.305.348	75.226.519.200
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung		6.024.657.022	3.050.678.400

	<b>cấp dịch vụ</b>			
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.453.949	41.066.063.832
22	Chi phí tài chính	VI.4	356.757.039	146.588.492
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>356.757.039</i>	<i>146.588.492</i>
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.141.345.757	3.730.166.436
<b>26</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.528.008.175</b>	<b>40.239.987.304</b>
31	Thu nhập khác	VI.5	-	1.000.000.000
32	Chi phí khác	VI.6	195.276.548	787.991.654
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>(195.276.548)</b>	<b>212.008.346</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>2.332.731.627</b>	<b>40.451.995.650</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.7	583.182.907	100.423.913
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>1.749.548.720</b>	<b>40.351.571.737</b>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	7	1.506

### 2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.332.731.627</b>	<b>40.451.995.650</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	3.822.617.187	3.370.200.847
03	Các khoản dự phòng	-	-
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.453.949)	(41.136.727.712)
06	Chi phí lãi vay	356.757.039	146.588.492
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</b>	<b>6.510.651.904</b>	<b>2.832.057.277</b>
09	Tăng giảm các khoản phải thu	(27.282.161.256)	140.594.901.587
10	Tăng giảm hàng tồn kho	(12.200.592.927)	(10.500.365.214)
11	Tăng giảm các khoản phải trả	43.189.818.335	(128.274.408.358)
12	Tăng giảm chi phí trả trước	-	-
13	Tiền lãi vay đã trả	(356.757.039)	(146.588.492)

14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.364.351.629)	(1.206.000.000)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	868.687.005	10.000.000.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(107.700.000)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.257.594.393</b>	<b>13.299.596.800</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(7.470.826.890)	(6.145.610.283)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.000.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(200.000.000)	(50.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.453.949	41.066.063.832
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(7.669.372.941)</b>	<b>(14.079.546.451)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	4.760.000.000	3.800.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.800.000.000)	(1.400.000.000)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(40.000.000)</b>	<b>2.400.000.000</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>1.548.221.452</b>	<b>1.620.050.349</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>1.873.037.282</b>	<b>252.986.933</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3.421.258.734</b>	<b>1.873.037.282</b>

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT.



NGUYỄN THỊ HIÊN